

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Số: /BTNMT-TCQLĐĐ

V/v thống nhất thành phần hồ sơ chuyển mục
đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ,
đất rừng đặc dụng để thực hiện các dự án

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Hà Nội, ngày tháng năm 2020*

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Trong thời gian vừa qua, Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã phối hợp chặt chẽ với Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong việc thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng sang mục đích khác để thực hiện các dự án đầu tư theo đúng quy định của pháp luật đất đai, qua đó đã góp phần tạo quỹ đất cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương. Tuy nhiên, trong quá trình tiếp nhận hồ sơ do các địa phương gửi đề nghị chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng để thực hiện dự án vẫn xảy ra tình trạng một số hồ sơ còn thiếu, hoặc gửi chậm so với tờ trình, chưa đầy đủ theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 24/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019, dẫn tới thời gian giải quyết chưa đảm bảo.

Để đảm bảo thống nhất, đầy đủ hồ sơ theo quy định, đẩy nhanh tiến độ thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng sang mục đích khác, Bộ Tài nguyên và Môi trường đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành rà soát, lập từng hồ sơ cụ thể theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 24/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 (*chi tiết danh mục hồ sơ tại phụ lục kèm theo*) và gửi về Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận theo quy định.

Nhằm đảm bảo sử dụng đất có hiệu quả và việc tổng hợp các chỉ tiêu đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trên địa bàn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã có Công văn số 2916/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 20 tháng 6 năm 2019 gửi Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Do vậy, đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương rà soát và có báo cáo gửi về Bộ Tài nguyên và Môi trường trước ngày 30 tháng 6 năm 2020 (xin gửi kèm theo bản sao Công văn số 2916/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 20 tháng 6 năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường) để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Bộ Tài nguyên và Môi trường trân trọng cảm ơn sự phối hợp của Quý Ủy ban./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phó Thủ tướng Trịnh Đình Dũng (để báo cáo);
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Thứ trưởng Lê Minh Ngân (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ NN&PTNT (để phối hợp);
- Sở TN&MT các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Lưu: VT, TCQLĐĐ (CQHĐĐ).

**TUQ. BỘ TRƯỞNG
TỔNG CỤC TRƯỞNG
TỔNG CỤC QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI**

Lê Thanh Khuyến

Phụ lục

(Kèm theo Công văn số /BTNMT-TCQLĐĐ ngày tháng năm 2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Khoản 6 Điều 1 Thông tư số 24/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để thẩm định gồm:

1) Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo Mẫu số 03a ban hành kèm theo Thông tư này;

2) Quyết định chủ trương đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Luật Đầu tư năm 2014; Quyết định chủ trương đầu tư hoặc Quyết định đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Luật Đầu tư công năm 2014; Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp trước ngày 01 tháng 7 năm 2015 (ngày Luật Đầu tư năm 2014 có hiệu lực thi hành) mà còn hiệu lực thực hiện;

3) Quyết định phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và Báo cáo Thuyết minh; trích sao bản đồ kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

4) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua danh mục dự án cần thu hồi đất đối với trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai;

5) Phương án trồng rừng thay thế đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc văn bản hoàn thành trách nhiệm nộp tiền trồng rừng thay thế theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp đối với dự án chuyển mục đích sử dụng đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng.